

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 16/TTr-SXD ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với 70 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Căn cứ Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa được ban hành kèm theo Điều 1 của Quyết định này, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm:

1. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cấu hình thành phần hồ sơ phải số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh làm cơ sở cho công chức, viên chức, nhân viên làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp thực hiện phân loại thành phần hồ sơ số hóa.

2. Thường xuyên rà soát, theo dõi các quy định của pháp luật chuyên ngành và thống kê Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo yêu cầu quản lý đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này cho phù hợp.

3. Chỉ đạo công chức, viên chức, nhân viên thực hiện số hóa, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Thực hiện tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, các PCVP UBND tỉnh (đ/b);
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (t/h);
- Viễn thông Kon Tum (p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.VĐT.

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH KON TUM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố Danh mục TTHC	Tên thành phần hồ sơ phải số hóa
A	CẤP TỈNH			
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG			
1	1.013237.H34	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến) (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002840)</p> <p>2) Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được chụp trong thời gian không quá 06 tháng (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002872)</p> <p>3) Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt</p>

			<p>Nam; các trường hợp còn lại vẫn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được hệ thống giáo dục Việt Nam công nhận) tháng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002873</i>)</p> <p>4) Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai hoặc văn bản của các cơ quan chuyên môn về xây dựng có nội dung liên quan đến kinh nghiệm của cá nhân kê khai; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện đã kê khai đối với trường hợp cá nhân hành nghề độc lập (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002875</i>)</p> <p>5) Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai hoặc văn bản của các cơ quan chuyên môn về xây dựng có nội dung liên quan đến kinh nghiệm của cá nhân kê khai; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện đã kê khai đối với trường hợp cá nhân hành nghề độc lập (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002875</i>)</p> <p>6) Trường hợp cá nhân bảo lưu quyền dự thi sát hạch, hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề gồm đơn đề nghị, ảnh màu theo quy định trên và thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trước đó (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002877</i>)</p>
--	--	--	--

2	1.013217.H34	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 1 Phụ lục số IV ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến (<i>Mã TPHS:000.00.00.G17-KQ002614</i>)</p> <p>2) Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002631</i>)</p> <p>3) Bản gốc chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp lại. Trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề đối với các lĩnh vực không bị thu hồi trên chứng chỉ hành nghề đã được cấp trước đó thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại (<i>Mã TPHS:000.00.00.G17-KQ002632</i>)</p>
3	1.013219.H34	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề của cá nhân là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư tại nước ngoài	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002631</i>)</p> <p>2) Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: văn bằng, giấy phép năng lực hành nghề do cơ sở đào tạo nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002635</i>)</p> <p>3) Đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục số IV ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin</p>

				<p>chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002634</i>)</p> <p>4) Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002636</i>)</p>
4	1.013220.H34	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 03 Phụ lục số IV ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002637</i>)</p> <p>2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002638</i>)</p>
5	1.013221.H34	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức còn thời hạn hoặc thỏa thuận theo pháp luật Dân sự về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát địa chất công trình (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002639</i>))</p> <p>2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Chứng từ hoặc hợp đồng thuê, mua máy, thiết bị kê khai trong đơn (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng, thi công xây dựng công trình) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002640</i>)</p> <p>3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Tài liệu chứng minh về quyền sử dụng</p>

				<p>phần mềm có bản quyền để tính toán thiết kế kết cấu, địa kỹ thuật công trình (đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng hạng I) (<i>Mã TPHS 000.00.00.G17-KQ002641</i>)</p> <p>4) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực đối với cá nhân đảm nhận các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề. Đối với cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng thì thay thế bằng văn bằng được đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận tương ứng với quy định tại Mục 07 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ, bản kê khai theo Mẫu số 04 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ; văn bằng được đào tạo của các cá nhân tham gia thực hiện công việc; Hợp đồng lao động và giấy tờ liên quan đến bảo hiểm xã hội của cá nhân đảm nhận các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề thuộc tổ chức (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002642</i>).</p> <p>5) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định Chứng chỉ năng lực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002643</i>).</p> <p>6) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu công việc đã thực hiện theo nội dung kê khai hoặc thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với tổ chức khảo sát xây dựng, lập thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng hạng I, hạng II (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002644</i>)</p>
--	--	--	--	---

				<p>7) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc bộ phận công trình (trong trường hợp thi công công tác xây dựng chuyên biệt) đã thực hiện theo nội dung kê khai hoặc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với tổ chức thi công xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng hạng I, hạng II; quyết định phê duyệt dự án hoặc giấy phép xây dựng công trình có thông tin về nhóm dự án; loại, cấp công trình; quy mô kết cấu, công suất, vị trí xây dựng của hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc bộ phận công trình được kê khai (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002645)</p> <p>8) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Tài liệu liên quan đến nội dung về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất của tổ chức (đối với trường hợp tổ chức được chia, tách, sáp nhập, hợp nhất theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002646)</p>
6	1.013222.H34	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam) (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002659)</p> <p>2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự; chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước nơi mà</p>

			<p>nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002660</i>)</p> <p>3) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng bằng tiếng Việt, theo Mẫu số 01 (đối với tổ chức) hoặc Mẫu số 04 (đối với cá nhân) Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS:000.00.00.G17-KQ002658</i>)</p> <p>4) Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 03 năm gần nhất (đối với trường hợp không thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu); đối với nhà thầu thành lập dưới 03 năm thì nộp báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính theo số năm được thành lập (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002661</i>)</p> <p>5) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng chính thức hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu) nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002662</i>)</p> <p>6) Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam (<i>Mã TPHS:000.00.00.G17-KQ002376</i>).</p>
--	--	--	--

7	1.013224.H34	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	1) Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 08 Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002666</i>)
8	1.013239.H34	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002893</i>)</p> <p>2) Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với các dự án thuộc diện phải có quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư) hoặc quyết định phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đối với dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002911</i>)</p> <p>3) Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất đối với dự án thuộc trường hợp được chuyển tiếp theo quy định pháp luật về đầu tư không có yêu cầu phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002912</i>)</p> <p>4) Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển và bản vẽ kèm theo (nếu có yêu cầu thi tuyển theo quy định) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002913</i>)</p> <p>5) Văn bản/quyết định phê duyệt và bản đồ, bản vẽ kèm theo (nếu có) của quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án theo quy</p>

				<p>định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002618)</p> <p>6) Văn bản/quyết định phê duyệt và các bản vẽ có liên quan hoặc trích lục phần bản vẽ có liên quan (nếu có) của quy hoạch được sử dụng làm căn cứ lập quy hoạch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 17 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002915)</p> <p>7) Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002916)</p> <p>8) Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án, văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002918)</p>
9	1.013234.H34	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002826)</p> <p>2) Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo; Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy) và các văn bản khác có liên quan (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002651)</p>

10	1.013236.H34	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002668</i>)</p> <p>2) Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002949</i>)</p> <p>3) Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 54 Điều 43 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; kết quả thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002692</i>)</p>
11	1.013238.H34	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002721</i>)</p> <p>2) Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002711</i>)</p>

		công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)		3) Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 54 Điều 43 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ; kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng) (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002697).
12	1.013230.H34	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/ Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002820). 2) Các tài liệu quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 97 Luật Xây dựng năm 2014 bao gồm: (i) Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật; (ii) Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến; (iii) Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện; (iv) Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: Phần thuyết minh về hiện trạng

				<p>công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ00282)</p>
13	1.013231.H34	<p>Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị /Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án)</p>	<p>Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025</p>	<p>1) Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002778)</p> <p>2) Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp kèm theo bản vẽ đã được cấp kèm theo giấy xây dựng (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002778)</p> <p>3) 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng điều chỉnh triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng theo quy định tại Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002801)</p> <p>4) Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế xây dựng điều chỉnh (trừ nhà ở riêng lẻ) của chủ đầu tư, trong đó phải có nội dung về bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường; kèm theo các hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 55 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với phần điều chỉnh thiết kế (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002802)</p> <p>5) Đối với trường hợp việc điều chỉnh thiết kế có thay đổi về diện tích sử dụng đất hoặc chức năng sử dụng đất của công trình đề nghị cấp giấy phép xây dựng thì phải có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng</p>

				theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002803)
14	1.013233.H34	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	1) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002823) 2) Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp trước đó (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002824)
15	1.013235.H34	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án).	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	1) Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002827) 2) Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp trước đó (đối với trường hợp bị rách, nát) (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002836)
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG			
1	1.009794.000.00.00.H34	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	1) Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa ban

		quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương		hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1492) 2) Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Phụ lục VIb kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1493)
2	1.009788.000.00.00.H34	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1488)
3	1.009791.000.00.00.H34	Cho ý kiến về việc các công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Báo cáo kết quả thực hiện công việc tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố; tổ chức gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1489)
III	LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG			
1	1.002701.000.00.00.H34	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; thuyết minh nội dung nhiệm vụ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; bản vẽ in màu thu nhỏ; các văn bản pháp lý có liên quan (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002604)
2	1.003011.000.00.00.H34	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ0396)

		doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh		<p>2) Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ0397)</p> <p>3) Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ0398)</p> <p>4) Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ0399)</p> <p>5) Các phụ lục tính toán kèm theo (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ0400)</p>
IV	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG			
1	2.001116.000.00.00.H34	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	<p>1) Văn bản đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp (theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Xây dựng) (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001898)</p> <p>2) Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001906)</p> <p>3) Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001907)</p> <p>4) 02 ảnh màu chân dung cỡ 2cm x 3cm (chụp trong vòng 06 tháng gần nhất) (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001962)</p>

2	1.011675.H34	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	<p>1) Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức quản lý giám định viên tư pháp hoặc đơn xin miễn nhiệm của giám định viên tư pháp (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BTP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng) (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001888)</p> <p>2) Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2020/QH14, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001890) - Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001891) - Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001892) - Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật Giám định tư pháp (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001893) - Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001894) - Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001895)
---	--------------	--	--	---

				<p>- Theo đề nghị của giám định viên tư pháp. Trường hợp giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001896</i>)</p> <p>- Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm để thành lập Văn phòng giám định tư pháp nhưng sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày được bổ nhiệm không thành lập Văn phòng hoặc sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập Văn phòng mà không đăng ký hoạt động (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001897</i>)</p>
V	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT			
1	1.002693.000.00 .00.H34	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	<p>1) Đơn đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị; nêu rõ vị trí chặt hạ, dịch chuyển kích thước loại cây và lý do cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ0639</i>)</p> <p>2) Ảnh chụp hiện trạng cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ0338</i>)</p> <p>3) Sơ đồ, vị trí cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ0337</i>)</p>
VI	LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG			
1	1.006871.000.00 .00.H34	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Bản công bố hợp quy theo Mẫu 02. CBHC/HQ kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1087</i>)
VII	LĨNH VỰC NHÀ Ở			

1	1.012896.H34	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>* Trường hợp thuê nhà ở xã hội:</p> <p>1) Đơn đăng ký thuê nhà ở xã hội theo mẫu (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002492)</p> <p>2) Giấy tờ chứng minh đối tượng theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an và giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở xã hội (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002493)</p> <p>* Trường hợp thuê mua nhà ở xã hội:</p> <p>1) Đơn đăng ký thuê mua nhà ở xã hội theo mẫu (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002495)</p> <p>2) Giấy tờ chứng minh đối tượng theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002496)</p> <p>3) Giấy tờ chứng minh điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002497)</p>
2	1.012895.H34	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>1) Đơn đề nghị thẩm định giá theo mẫu (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002487)</p> <p>2) Phương án xác định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội do chủ đầu tư xây dựng (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002489)</p>
3	1.012894.H34	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>1) Đơn đề nghị được lập theo Mẫu số 04 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002483)</p> <p>2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận kết hôn đối với trường hợp là vợ chồng (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002486)</p>

				3) Giấy chứng nhận đối với phần diện tích nhà, đất đã mua; nếu chưa có Giấy chứng nhận thì phải có hợp đồng mua bán phần diện tích nhà ở đã ký với cơ quan có thẩm quyền, giấy tờ chứng minh đã thanh toán hết tiền mua phần diện tích nhà đất theo hợp đồng đã ký (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002485</i>)
4	1.012892.H34	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Đơn đề nghị thuê nhà ở được lập theo Mẫu số 02 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002498</i>)
5	1.012887.H34	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Văn bản đề nghị Sở Xây dựng bao gồm các nội dung: tên, địa chỉ của chủ đầu tư dự án, nội dung ưu đãi đã được hưởng trước đây, đề xuất hưởng cơ chế ưu đãi đầu tư mới theo quy định (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002451</i>) 2) Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (gồm bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử có giá trị pháp lý các giấy tờ: văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); quyết định giao đất, cho thuê đất (nếu có) và các văn bản khác có liên quan của dự án) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002452</i>)
6	1.012884.H34	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Văn bản đề nghị của đơn vị có nhu cầu, trong đó nêu rõ: tên đơn vị, địa chỉ trụ sở chính, thông tin người đại diện theo pháp luật theo giấy tờ đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập, hoạt động (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002441</i>) 2) Danh sách người quản lý, nhân viên thuộc các phòng, ban của đơn vị quản lý vận hành kèm theo bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ từ trình độ trung cấp trở lên chứng minh về chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với công việc quản lý vận hành trong các lĩnh vực quy định tại điểm c khoản 1 Điều 150 của Luật Nhà ở (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002426</i>)

7	1.012883.H34	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>1) Văn bản đề nghị chuyển đổi công năng nhà ở được lập theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002438)</p> <p>2) Đề án chuyển đổi công năng nhà ở bao gồm các nội dung: địa chỉ, số lượng nhà ở cần chuyển đổi; nguyên nhân, sự cần thiết phải chuyển đổi công năng nhà ở, thời gian thực hiện việc chuyển đổi, loại nhà ở sau khi chuyển đổi, phương án quản lý sử dụng nhà ở sau khi chuyển đổi (cho thuê, cho thuê mua hoặc bán theo quy định pháp luật về nhà ở), trách nhiệm thực hiện của các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và các nội dung khác có liên quan (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002439)</p> <p>3) Bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý giấy tờ: Quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền, giấy tờ nghiệm thu đưa nhà ở vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002440)</p>
8	1.012893.H34	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>1) Đơn đề nghị mua nhà ở được lập theo Mẫu số 03 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002550)</p> <p>2) Trường hợp người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài thì phải có văn bản ủy quyền (có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc chứng thực theo quy định) cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở; nếu có thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã chết thì phải có giấy chứng tử kèm theo (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002553)</p> <p>3) Trường hợp có thành viên thuê nhà ở khước từ quyền mua và đứng tên trong Giấy chứng nhận đối với nhà ở thì phải có</p>

				văn bản khước từ quyền mua, không đứng tên trong Giấy chứng nhận và cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện về việc mua bán nhà ở này (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002554)
9	1.012898.H34	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Đơn đề nghị thuê nhà ở được lập theo Mẫu số 02 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002482) 2) Bản chính hợp đồng thuê nhà ở đã ký kết với cơ quan có thẩm quyền (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002499)
10	1.012897.H34	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Đơn đề nghị thuê nhà ở được lập theo Mẫu số 02 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002498)
11	1.012891.H34	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ theo mẫu có xác nhận của cơ quan người thuê đang công tác (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002470) 2) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị nơi người nộp đơn đang công tác (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002477)
12	1.012890.H34	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Đơn đề nghị gia hạn (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002473)
13	1.012886.H34	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Văn bản đề nghị điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có các nội dung về nhà đầu tư và cam kết của nhà đầu tư đối với trường hợp đã lựa chọn được chủ đầu tư dự án; các nội dung đề nghị điều chỉnh, giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh nội dung của văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (Mã TPHS: 000.00.00.G17-

		cur không bằng nguồn vốn đầu tư công		<i>KQ002447)</i> 2) Báo cáo tình hình triển khai dự án đến thời điểm đề nghị điều chỉnh (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002450</i>)
VIII	LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN			
1	1.012906.H34	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi theo mẫu tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Nghị định số 96/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002545</i>) 2) 02 ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002523</i>)
2	1.012904.H34	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Phiếu đề nghị cấp quyền khai thác thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002515</i>)
3	1.012901.H34	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động của sàn giao dịch bất động sản theo mẫu tại phụ lục XIX ban hành kèm theo Nghị định số 96/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002506</i>) 2) Giấy phép hoạt động (trong trường hợp bị hỏng) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002507</i>)
4	1.012900.H34	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Đơn đăng ký hoạt động của sàn giao dịch bất động sản (theo mẫu tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Nghị định số 96/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002501</i>))

				<p>2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Kinh doanh bất động sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002502</i>)</p> <p>3) Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với trụ sở sàn giao dịch bất động sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002502</i>)</p> <p>4) Danh sách các môi giới bất động sản đã được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002505</i>)</p>
5	1.012911.H34	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc đầu tư	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>1) Báo cáo tài chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 96/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002549</i>)</p> <p>2) Văn bản cam kết về việc tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng nội dung dự án đã được chấp thuận (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002543</i>)</p> <p>3) Giấy tờ chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002544</i>)</p>
6	1.012903.H34	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>1) Quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư của dự án bất động sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư, về xây dựng, về nhà ở (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002508</i>)</p> <p>2) Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch tổng mặt bằng của dự án bất động sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng, về quy hoạch đô thị (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002509</i>)</p> <p>3) Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải cấp giấy phép xây dựng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-</i></p>

				<p><i>KQ002510)</i></p> <p>4) Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002511</i>)</p> <p>5) Hợp đồng cung cấp các dịch vụ cấp điện, cấp nước, thoát nước, thu gom rác thải, xử lý nước thải (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002513</i>)</p> <p>6) Giấy tờ về nghiệm thu việc đã hoàn thành đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002512</i>)</p> <p>7) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cá nhân tự xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật về đất đai (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002514</i>)</p>
7	1.012902.H34	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động của sàn giao dịch bất động sản theo mẫu tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Nghị định số 96/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002506</i>)
8	1.012905.H34	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>1) Biên bản nghiệm thu việc đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật của dự án tương ứng theo tiến độ của dự án được chấp thuận, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002517</i>)</p> <p>- Trường hợp là nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có nhà ở phải có biên bản nghiệm thu việc đã hoàn thành thi công xây dựng phần móng theo quy định của pháp luật về xây dựng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002518</i>)</p>

				2) Các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002518</i>)
9	1.012910.H34	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>1) Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi theo mẫu tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Nghị định số 96/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002545</i>)</p> <p>2) 02 ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002546</i>)</p> <p>3) Chứng chỉ cũ (bản gốc) đối với trường hợp đã hết hạn, hoặc bản sao có chứng thực đối với trường hợp chứng chỉ chưa hết hạn (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002547</i>)</p>
10	1.012907.H34	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>1) Đơn xin cấp lại chứng chỉ có dán ảnh theo mẫu tại Phụ lục XXVII ban hành kèm theo Nghị định số 96/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002525</i>)</p> <p>2) 02 ảnh cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002526</i>)</p> <p>3) Chứng chỉ cũ (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002527</i>)</p>
11	1.012885.H34	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>1) Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002442</i>)</p> <p>2) Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 69 của Luật Nhà ở và hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội của dự án (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002443</i>)</p>

				3) Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bố trí chỗ ở tạm thời, bố trí tái định cư (sau đây gọi chung là phương án bồi thường, tái định cư) đã được các chủ sở hữu nhà chung cư thống nhất với nhà đầu tư trên cơ sở kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002444)
IX LĨNH VỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG				
1	1.011705.H34	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động).	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	<p>1) Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001910)</p> <p>2) Danh sách cán bộ quản lý trực tiếp (trưởng/phó phòng thí nghiệm), thí nghiệm viên kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận được đào tạo liên quan (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001917)</p> <p>3) Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001912)</p>
2	1.011708.H34	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	1) Đơn đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001913)

		thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)		
3	1.011711.H34	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	<p>1) Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001916)</p> <p>2) Danh sách cán bộ quản lý trực tiếp (trưởng/phó phòng thí nghiệm), thí nghiệm viên kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận được đào tạo liên quan (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001917)</p> <p>3) Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001918)</p>
4	1.011710.H34	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	<p>1) Đơn đăng ký cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001914)</p> <p>2) Các hồ sơ liên quan đến nội dung thay đổi (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001915)</p>

		thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)		
X	LĨNH VỰC KIẾN TRÚC			
1	1.008891.000.00.00.H34	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	<p>1) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 85/2020/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1450)</p> <p>2) 02 ảnh màu nền trắng cỡ 4 x 6 cm được chụp không quá 06 tháng (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1451)</p> <p>3) Bảng đại học phù hợp với nội dung chứng chỉ đề nghị cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1452)</p> <p>4) Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản được xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1453)</p> <p>5) Hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc theo kê khai (trường hợp cá nhân hành nghề độc lập) (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1454)</p> <p>6) Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ001959)</p> <p>7) Kết quả sát hạch đạt yêu cầu còn hiệu lực (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1456)</p>
2	1.008989.000.00.00.H34	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 85/2020/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1463)

		thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)		<p>2) 02 ảnh màu nền trắng cỡ 4 x 6 cm chân dung của người đề nghị được chụp không quá 06 tháng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1466</i>)</p> <p>3) Giấy tờ chứng minh thông tin cần thay đổi (Trường hợp thay đổi thông tin cá nhân được ghi trên chứng chỉ hành nghề) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1462</i>)</p>
3	1.008990.000.00 .00.H34	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	<p>1) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 85/2020/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1463</i>)</p> <p>2) Bản gốc chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1464</i>)</p>
4	1.008991.000.00 .00.H34	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	<p>1) Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 85/2020/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1465</i>)</p> <p>2) 02 ảnh màu nền trắng cỡ 4 x 6 cm chân dung của người đề nghị được chụp không quá 06 tháng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1460</i>)</p> <p>3) Chứng chỉ (hoặc chứng nhận) tham gia hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục lĩnh vực kiến trúc do tổ chức xã hội nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu đào tạo về kiến trúc cấp. Trường hợp tham gia các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục tại nước ngoài thì cần có văn bản, chứng chỉ hoặc tài liệu chứng minh việc đã tham gia đó, được dịch ra tiếng Việt và công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1467</i>)</p>
5	1.008992.000.00 .00.H34	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Đơn đề nghị công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 85/2020/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1469</i>)

				2) 02 ảnh màu nền trắng cỡ 4 x 6 cm chân dung của người đề nghị, được chụp không quá 06 tháng (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1474)
6	1.008993.000.00 .00.H34	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 85/2020/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1473) 2) 02 ảnh màu nền trắng cỡ 4 x 6 cm chân dung của người đề nghị, được chụp không quá 06 tháng (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1470)
B	CẤP HUYỆN			
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG			
1	1.013225.H34	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002668) 2) Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002701) 3) Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 54 Điều 43 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; kết quả thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng)

				<p>tại cơ quan chuyên môn về xây dựng) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002720</i>)</p> <p>4) 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) được phê duyệt hoặc đóng dấu xác nhận theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002693</i>)</p>
2	1.013229.H34	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002695</i>)</p> <p>2) Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002708</i>)</p> <p>3) Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (kích thước tối thiểu 10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1647</i>)</p> <p>4) Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại</p>

				<p>khoản 54 Điều 43 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; kết quả thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002692</i>)</p> <p>5) 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) được phê duyệt hoặc đóng dấu xác nhận theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002693</i>)</p>
3	1.013232.H34	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002722</i>)</p> <p>2) Các tài liệu quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 97 Luật Xây dựng năm 2014 bao gồm: (i) Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật; (ii) Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ</p>

		đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến; (iii) Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện; (iv) Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; phân bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002821)
4	1.013226.H34	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	<p>1) Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002670)</p> <p>2) Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp kèm theo bản vẽ đã được cấp kèm theo giấy xây dựng (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002800)</p> <p>3) 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng điều chỉnh triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng theo quy định tại Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002801)</p> <p>4) Đối với trường hợp việc điều chỉnh thiết kế có thay đổi về diện tích sử dụng đất hoặc chức năng sử dụng đất của công trình đề nghị cấp giấy phép xây dựng thì phải có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002674)</p> <p>5) Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ</p>

				<p>phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên, người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002817</i>)</p> <p>6) Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002818</i>)</p>
5	1.013227.H34	<p>Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ</p>	<p>Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025</p>	<p>1) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002690</i>)</p> <p>2) Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp theo quy định (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002691</i>)</p>
6	1.013228.H34	<p>Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong</p>	<p>Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22/01/2025</p>	<p>1) Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002713</i>)</p> <p>2) Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp theo quy định (đối với trường hợp bị rách, nát) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002714</i>)</p>

		đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
II LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG				
1	1.008455.000.00.00.H34	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch (trong đó ghi rõ thông tin về vị trí, địa điểm lô đất cần cung cấp thông tin) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ1060</i>)
2	1.003141.000.00.00.H34	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Đối với thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP) 2) Đối với thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP)
3	1.002662.000.00.00.H34	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	1) Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1) Tờ trình đề nghị thẩm định; (2) thuyết minh nội dung nhiệm vụ; (3) dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; (4) Các bản vẽ in màu thu nhỏ ; (5) các văn bản pháp lý có liên quan (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ0450</i>). 2) Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1), (2), (3), (4), (5) như trên và văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch

				xây dựng (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ0451)
III	LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ			
1	1.012888.H34	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	<p>* Đối với Ban quản trị được bầu tại Hội nghị nhà chung cư lần đầu thì hồ sơ đề nghị công nhận Ban quản trị bao gồm:</p> <p>1) Văn bản đề nghị của chủ đầu tư, trong đó nêu rõ tên Ban quản trị đã được Hội nghị nhà chung cư thông qua; nếu thành lập Ban quản trị của tòa nhà chung cư thì tên Ban quản trị được đặt theo tên hoặc số tòa nhà; nếu thành lập Ban quản trị của cụm nhà chung cư thì tên Ban quản trị do Hội nghị nhà chung cư quyết định (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002454)</p> <p>2) Biên bản họp Hội nghị nhà chung cư về việc bầu Ban quản trị (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002455)</p> <p>3) Danh sách các thành viên Ban quản trị, trong đó nêu chức danh Trưởng ban, Phó ban quản trị (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002456)</p> <p>4) Quy chế hoạt động của Ban quản trị đã được Hội nghị nhà chung cư thông qua (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002457)</p> <p>* Trường hợp bầu lại Ban quản trị khi hết nhiệm kỳ, bầu Ban quản trị mới do bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định hoặc bầu thay thế thành viên Ban quản trị, bầu thay thế Trưởng ban, bầu thay thế Phó ban quản trị không phải là đại diện của chủ đầu tư hoặc do chủ đầu tư không cử đại diện thay thế thì hồ sơ đề nghị công nhận Ban quản trị bao gồm:</p> <p>1) Văn bản đề nghị của Ban quản trị được bầu (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002459)</p> <p>2) Biên bản họp Hội nghị nhà chung cư về việc bầu lại, bầu thay thế Ban quản trị hoặc thành viên Ban quản trị hoặc bầu</p>

			<p>thay thế Trưởng ban, Phó ban quản trị; trường hợp bầu thay thế thành viên Ban quản trị theo hình thức xin ý kiến các chủ sở hữu căn hộ thì phải có biên bản theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 của Quy chế Quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002461)</p> <p>3) Bản gốc quyết định công nhận Ban quản trị (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002460)</p> <p>4) Quy chế hoạt động của Ban quản trị đã được Hội nghị nhà chung cư thông qua (nếu có sửa đổi, bổ sung quy chế này) (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002462)</p> <p>* Trường hợp tách Ban quản trị cụm nhà chung cư theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Quy chế Quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì hồ sơ đề nghị công nhận Ban quản trị được quy định như sau:</p> <p>1) Trường hợp đề nghị công nhận Ban quản trị của tòa nhà sau khi tách khỏi cụm nhà chung cư thì hồ sơ bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quy chế Quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD kèm theo biên bản thống nhất tách khỏi cụm nhà chung cư của đại diện các chủ sở hữu nhà chung cư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Quy chế Quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD; trường hợp thuộc diện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 của Quy chế Quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD thì phải có thêm bản gốc quyết định công nhận Ban quản trị (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002464)</p> <p>2) Trường hợp đề nghị công nhận Ban quản trị của cụm nhà</p>
--	--	--	--

				<p>chung cư sau khi có tòa nhà tách khỏi cụm thì hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị của Ban quản trị cụm nhà chung cư, bản gốc quyết định công nhận Ban quản trị cụm nhà chung cư, danh sách các thành viên Ban quản trị cụm nhà chung cư còn lại (ghi rõ họ, tên và chức danh trong Ban quản trị); trường hợp phải bầu lại Trưởng ban quản trị cụm nhà chung cư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 của Quy chế Quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD thì phải kèm theo biên bản họp Hội nghị nhà chung cư về việc bầu Trưởng ban và danh sách người được bầu (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002465)</p> <p>* Trường hợp nhập Ban quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Quy chế Quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì hồ sơ đề nghị công nhận Ban quản trị cụm nhà chung cư được quy định như sau:</p> <p>1) Trường hợp đề nghị công nhận Ban quản trị cụm nhà chung cư do nhập Ban quản trị của tòa nhà vào Ban quản trị của cụm nhà chung cư thì hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị của Ban quản trị cụm nhà chung cư kèm theo các biên bản họp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 của Quy chế Quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD, danh sách các thành viên Ban quản trị của cụm (bao gồm cả thành viên mới của tòa nhà nhập vào cụm) và bản gốc quyết định công nhận Ban quản trị tòa nhà, cụm nhà chung cư (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002468)</p> <p>2) Trường hợp đề nghị công nhận Ban quản trị cụm nhà chung cư sau khi nhập các Ban quản trị của các tòa nhà thì hồ sơ bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quy chế Quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư</p>
--	--	--	--	--

				số 05/2024/TT-BXD, biên bản đề nghị tập thể của đại diện các chủ sở hữu nhà chung cư theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 27 của Quy chế Quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD và bản gốc các quyết định công nhận các Ban quản trị tòa nhà chung cư (Mã TPHS: 000.00.00.G17-KQ002467)
--	--	--	--	--

Tổng số: Danh mục có 70 TTHC (60 TTHC cấp tỉnh, 10 TTHC cấp huyện), gồm 207 thành phần hồ sơ phải số hóa.